

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,156,652,322,337	3,089,130,177,364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33,407,873,793	9,933,761,943
1. Tiền	111		33,407,873,793	9,933,761,943
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,206,351,008,141	1,168,110,799,270
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1,206,351,008,141	1,168,110,799,270
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,091,245,262,951	1,075,703,094,075
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	993,338,550,514	989,658,842,138
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	52,406,250,990	45,623,496,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	47,002,457,135	41,922,750,725
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	1,501,995,688	(1,501,995,688)
IV. Hàng tồn kho	140		767,374,326,821	767,866,896,418
1. Hàng tồn kho	141	V.7	809,813,323,270	810,305,892,867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(42,438,996,449)	(42,438,996,449)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58,273,850,631	67,515,625,658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	761,987,794	325,044,134
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28,131,424,112	39,415,618,724
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	1,694,401,976	740,845,712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	27,686,036,749	27,034,117,088

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		970,044,633,446	975,873,034,424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		419,358,158,948	419,471,789,418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	307,975,032,220	300,348,559,643
<i>Nguyên giá</i>	222		772,523,317,875	742,797,809,110
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(464,548,285,655)	(442,449,249,467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	54,959,342,968	55,000,117,532
<i>Nguyên giá</i>	228		57,150,167,140	57,050,010,140
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,190,824,172)	(2,049,892,608)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	56,423,783,760	64,123,112,243
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		507,088,848,458	510,843,049,712
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	544,748,611,404	549,862,533,184
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	3,405,568,414	2,045,847,888
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(41,065,331,360)	(41,065,331,360)
V. Tài sản dài hạn khác	260		43,597,626,040	45,558,195,294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	42,394,164,415	44,354,733,669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	1,203,461,625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,126,696,955,783	4,065,003,211,788

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,181,510,107,064	2,194,831,356,801
I. Nợ ngắn hạn	310		2,181,510,107,064	2,194,831,356,801
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,570,399,660,170	1,767,545,055,412
2. Phải trả người bán	312	V.20	193,967,851,382	146,830,874,325
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	6,345,615,705	8,259,277,553
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	17,293,342,603	9,738,897,906
5. Phải trả người lao động	315	V.23	47,006,614,174	57,175,206,875
6. Chi phí phải trả	316	V.24	6,419,784,583	6,905,020,932
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	247,508,232,921	97,929,180,254
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	49,469,005,526	57,347,843,544
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,945,186,848,719	1,870,171,854,987
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,945,186,848,719	1,870,171,854,987
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	924,039,430,000	924,039,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	804,737,674,074	729,722,680,342
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,126,696,955,783	4,065,003,211,788

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		1,423,080.17		229,294.01	
Euro (EUR)		420.84		422.66	
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)		3,436.00		3,436.00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				-	

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 5 năm 2015


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ 1.2015		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2015	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,367,751,571,073	911,989,569,564	1,367,751,571,073	911,989,569,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,678,749,149	1,415,657,891	3,678,749,149	1,415,657,891
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,364,072,821,924	910,573,911,673	1,364,072,821,924	910,573,911,673
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,226,562,275,342	840,249,417,041	1,226,562,275,342	840,249,417,041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137,510,546,582	70,324,494,632	137,510,546,582	70,324,494,632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31,894,374,716	13,225,019,084	31,894,374,716	13,225,019,084
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11,977,098,729	4,327,812,323	11,977,098,729	4,327,812,323
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,220,965,992	4,327,812,323	9,220,965,992	4,327,812,323
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	50,732,268,613	46,969,146,224	50,732,268,613	46,969,146,224
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16,616,232,688	11,144,273,533	16,616,232,688	11,144,273,533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90,079,321,268	21,108,281,636	90,079,321,268	21,108,281,636
11. Thu nhập khác	31	VI.7	746,796,776	870,341,997	746,796,776	870,341,997
12. Chi phí khác	32	VI.8	238,959,286	1,053,232,304	238,959,286	1,053,232,304
13. Lợi nhuận khác	40		507,837,490	(182,890,307)	507,837,490	(182,890,307)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90,587,158,758	20,925,391,329	90,587,158,758	20,925,391,329
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	15,572,165,026	4,894,257,706	15,572,165,026	4,894,257,706

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>75,014,993,732</u>	<u>16,031,133,623</u>	<u>75,014,993,732</u>	<u>16,031,133,623</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 5 năm 2015

Thuna

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Thuna

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Thuan

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90,587,158,758	20,925,391,329
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	22,239,967,752	22,216,629,662
- Các khoản dự phòng	03	V.8,V.16	-	(23,368,572,290)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,VI.3,VI.7,VI.8	(21,336,674,967)	(1,712,117,777)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9,220,965,992	4,327,812,323
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		100,711,417,535	22,389,143,247
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8,514,172,974)	(46,430,211,349)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		492,569,597	125,447,432,654
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		181,314,995,810	(76,628,355,098)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,819,350,376	311,402,905
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4,V.24	(9,220,965,992)	(4,327,812,323)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(8,576,256,837)	(20,075,664,655)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	143,852,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.27	(7,878,838,018)	(8,152,700,144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		250,148,099,497	(7,322,912,763)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13,VII	(16,378,055,630)	(16,189,484,163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	-	392,615,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50,200,000,000)	(115,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11,959,791,129	24,154,565,939
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		1,576,310,376	(17,524,491,626)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5,213,358,198	1,782,775,773
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	18,301,207,647	2,060,696,293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29,527,388,280)	(120,823,322,784)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	1,694,967,401,453	468,015,735,487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(1,892,112,796,695)	(374,679,503,673)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(1,204,125)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(197,146,599,367)	93,336,231,814
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23,474,111,850	(34,810,003,733)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9,933,761,943	46,397,315,140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	33,407,873,793	11,587,311,407

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 5 năm 2015


 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu


 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng


 Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2015 : 21.458 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.329.946.027	4.149.700.672
Tiền gửi ngân hàng	32.077.927.766	5.784.061.271
Cộng	33.407.873.793	9.933.761.943

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	802.451.008.141	802.451.008.141
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	92.300.000.000	104.259.791.129
Cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay	311.600.000.000	261.400.000.000
Cộng	1.206.351.008.141	1.168.110.799.270

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	74.460.941.794	88.884.088.508
Các khách hàng nước ngoài	918.877.608.720	900.774.753.630
Cộng	993.338.550.514	989.658.842.138

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 120 tỷ VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định (*)	31.651.333.844	34.302.056.629
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	20.754.917.146	11.321.440.271
Cộng	52.406.250.990	45.623.496.900

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 - lãi cho vay phải thu	7.068.050.001	6.722.883.334
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	911.888.399	246.245.391
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	485.771.094
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	13.437.220.432	18.101.168.778
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Lương thực miền Nam - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	5.668.963.950
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	22.989.735.673	10.287.401.389
Phải thu khác	2.595.562.630	410.316.789
Cộng	47.002.457.135	41.922.750.725

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	67.226.135.289	55.703.886.927
Công cụ, dụng cụ	1.587.485.586	1.710.482.886
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	445.093.194.437	501.354.819.593
Thành phẩm	295.906.507.958	227.825.768.612

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	23.710.934.849
Cộng	<u>809.813.323.270</u>	<u>810.305.892.867</u>

Một số hàng hóa trong kho có giá trị là 45 tỷ VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	42.438.996.449
Trích dự phòng trong kỳ	4.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(4.000.000.000)
Số cuối năm	<u>42.438.996.449</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	27.686.036.749	27.034.117.088
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>27.686.036.749</u>	<u>27.034.117.088</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	320.095.979.358	404.409.468.282	16.850.414.960	1.441.946.510	742.797.809.110
Mua sắm mới	47.511.364	15.654.505.316	4.743.410.909	1.025.760.000	21.471.187.589
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.428.330.468	2.825.990.708	-		8.254.321.176
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	<u>325.571.821.190</u>	<u>422.889.964.306</u>	<u>21.593.825.869</u>	<u>2.467.706.510</u>	<u>772.523.317.875</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	117.894.859.611	314.787.048.914	8.588.336.848	1.179.004.094	442.449.249.467
Khấu hao trong năm	8.526.595.471	12.803.092.277	692.955.485	76.392.955	22.099.036.188
Thanh lý, nhượng bán					
Phân loại lại					
Số cuối năm	<u>126.421.455.082</u>	<u>327.590.141.191</u>	<u>9.281.292.333</u>	<u>1.255.397.049</u>	<u>464.548.285.655</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	202.201.119.747	89.622.419.368	8.262.078.112	262.942.416	300.348.559.643
Số cuối năm	<u>199.150.366.108</u>	<u>95.299.823.115</u>	<u>12.312.533.536</u>	<u>1.212.309.461</u>	<u>307.975.032.220</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 135.676.403.545 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	56.208.060.350	841.949.790	57.050.010.140
Mua trong năm		100.157.000	100.157.000
Số cuối năm	56.208.060.350	942.106.790	57.150.167.140
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.417.490.816	632.401.792	2.049.892.608
Khấu hao trong năm	120.837.714	20.093.850	140.931.564
Số cuối năm	1.538.328.530	652.495.642	2.190.824.172
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	54.790.569.534	209.547.998	55.000.117.532
Số cuối năm	54.669.731.820	289.611.148	54.959.342.968
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn theo giá trị sổ sách là 9.012.529.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	61.219.348.062	6.283.112.000	(15.342.857.909)	-	52.159.602.153
XDCB dở dang	2.903.764.181	9.910.463.384	(8.254.321.176)	(295.724.782)	4.264.181.607
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>128.893.097</i>	<i>9.229.400.963</i>	<i>(6.131.494.105)</i>	<i>(160.866.600)</i>	<i>3.065.933.355</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	2.774.871.084	681.062.421	(2.122.827.071)	(134.858.182)	1.198.248.252
Cộng	64.123.112.243	16.193.575.384	(23.597.179.085)	(295.724.782)	56.423.783.760

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱ⁾		-		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱ⁾		99.300.000.000		99.300.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		311.000.000		311.000.000
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(iv)	8.500.000	85.000.000.000	8.500.000	85.000.000.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(v)	25.542.396	359.982.611.404	25.302.396	356.600.000.000
Công Ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang ^(vi)		155.000.000		
Cộng		544.748.611.404		549.862.533.184

- (i) Ngày 1 tháng 1 năm 2015 công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% vốn của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 08 năm 2014.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- (v) Trong năm Công ty đã mua 240.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 3.382.611.404 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 25.542.396 cổ phiếu, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.
- (vi) Năm 2014 Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014). Trong năm 2015 công ty đã đầu tư vào công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang 155.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư khoản lỗ của các Công ty con.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	38.664.764.489	3.827.806.035	(5.381.427.027)	37.111.143.497
Tiền thuê đất	5.689.969.180	-	(406.948.262)	5.283.020.918
Cộng	44.354.733.669	3.827.806.035	(5.788.375.289)	42.394.164.415

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	217.417.781.625	79.595.934.429
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.195.990.122.357	1.528.475.299.894
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	156.991.756.188	159.473.821.089
Cộng	1.570.399.660.170	1.767.545.055.412

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của PX chế biến bột cá, mỡ cá (xem thuyết minh V.11 và V.12).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2 (xem thuyết minh V.2, V.11 và V.12).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	1.767.545.055.412
Số tiền vay phát sinh	1.694.967.401.453

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số tiền vay đã trả	(1.892.112.796.695)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-
Số cuối năm	<u>1.570.399.660.170</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	188.439.236.395	144.807.390.469
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.528.614.987	2.023.483.856
Cộng	<u>193.967.851.382</u>	<u>146.830.874.325</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	1.208.452.586	2.661.753.048
Các khách hàng nước ngoài	5.137.163.119	5.597.524.505
Cộng	<u>6.345.615.705</u>	<u>8.259.277.553</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-			
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(54.390.214)	11.646.973	(76.020.973)	(118.764.214)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(686.455.498)	81.540	(889.263.804)	(1.575.637.762)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.366.696.222	15.572.165.026	(8.576.256.837)	15.362.604.411
Thuế thu nhập cá nhân	1.372.201.684	2.344.910.640	(1.786.374.132)	1.930.738.192
Tiền thuế đất	-			
Các loại thuế khác	-	253.495.373	(253.495.373)	-
Cộng	<u>8.998.052.194</u>	<u>18.182.299.552</u>	<u>(11.581.411.119)</u>	<u>15.598.940.627</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay		-
Chi phí vận chuyển	2.451.410.000	3.154.890.000
Chi phí khác	3.968.374.583	3.750.130.932
Cộng	<u>6.419.784.583</u>	<u>6.905.020.932</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	51.749.700	52.953.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	12.205.642.055	10.120.610.146
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu		-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	214.106.602.237	52.143.664.972
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	8.281.685.213	9.603.202.410
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - tiền thu hộ		-
Các khoản phải trả khác	12.862.553.716	26.008.748.901
Cộng	<u>247.508.232.921</u>	<u>97.929.180.254</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	56.492.605.526	-	(7.023.600.000)	49.469.005.526
Quỹ phúc lợi	855.238.018	-	(855.238.018)	-
Cộng	<u>57.347.843.544</u>	<u>-</u>	<u>(7.878.838.018)</u>	<u>49.469.005.526</u>

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	574.258.678.675	574.258.678.675

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	308.012.400.000	-	-	(308.012.400.000)	-
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	1.977.900.000	-	-	(1.977.900.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	25.917.744.645	36.897.215.355	-	62.814.960.000
Chia cổ tức	-	-	-	(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Trích các quỹ	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Số dư đầu năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Lợi nhuận trong năm				75.014.993.732	75.014.993.732
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu					
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên					
Tái phát hành cổ phiếu quỹ					
Chia cổ tức					
Trích các quỹ trong năm					
Số dư cuối năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	804.737.674.074	1.945.186.848.719

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 1.2015	Quý 1.2014
Tổng doanh thu	1.367.751.571.073	911.989.569.564
- Doanh thu bán hàng hóa	154.943.189.576	113.736.418.984
- Doanh thu bán thành phẩm	942.128.225.804	673.902.765.082
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	87.130.518.417	2.112.820.925

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
- Doanh thu bán phụ phẩm	176.270.694.751	111.636.768.659
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.278.942.525	10.600.795.914
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.678.749.149)	(1.415.657.891)
- Giảm giá hàng bán	-	(20.598.451)
- Hàng bán bị trả lại	(3.678.749.149)	(1.395.059.440)
Doanh thu thuần	<u>1.364.072.821.924</u>	<u>910.573.911.673</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	154.943.189.576	113.736.418.984
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	938.449.476.655	672.487.107.191
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	87.130.518.417	2.112.820.925
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	176.270.694.751	111.636.768.659
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.278.942.525	10.600.795.914
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Giá vốn hàng hóa	146.314.879.487	110.995.351.238
Giá vốn thành phẩm	812.039.486.500	627.157.419.482
Giá vốn nguyên liệu	85.621.201.219	2.488.838.984
Giá vốn phụ phẩm	182.586.708.136	99.607.807.337
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>1.226.562.275.342</u>	<u>840.249.417.041</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.702.334.284	-
Hoàn nhập dự phòng tài chính	-	8.668.572.290
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.757.465	24.688.824
Lãi tiền cho vay	5.814.324.535	832.310.651
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	1.144.269.354	879.807.126
Chuyển nhượng công ty con	1.675.746.794	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.541.942.284	2.819.640.193
Cộng	<u>31.894.374.716</u>	<u>13.225.019.084</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Chi phí lãi vay	9.220.965.992	4.327.812.323
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.756.132.737	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí chuyển nhượng công ty con	-	-
Cộng	<u>11.977.098.729</u>	<u>4.327.812.323</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Chi phí nhân viên	2.953.158.641	2.019.633.820
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.816.829	38.038.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.564.368.369	24.655.372.211
Chi phí khác	18.174.924.774	20.256.102.092
Cộng	<u>50.732.268.613</u>	<u>46.969.146.224</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.932.570.344	4.303.675.833
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.456.960.983	413.769.606
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.537.282.145	1.764.410.258
Thuế, phí và lệ phí	253.495.373	155.448.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.878.416	6.000.000
Chi phí khác	6.403.045.427	4.500.969.061
Cộng	<u>16.616.232.688</u>	<u>11.144.273.533</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	392.615.000
Các khoản nợ không phải trả	2.428.894	-
Thu nhập khác	744.367.882	477.726.997
Cộng	<u>746.796.776</u>	<u>870.341.997</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Quý 1.2015</u>	<u>Quý 1.2014</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán		392.615.000
Thuế bị phạt, bị truy thu		95.246.750
Chi phí khác	238.959.286	565.370.554
Cộng	<u>238.959.286</u>	<u>1.053.232.304</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Mua cổ phần	563.768.567	356.600.000.000
Mượn tiền	-	-
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	8.824.590.640	15.924.292.360
Mua cổ phần	2.255.074.270	-
Bán hàng hóa	-	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	442.539.719	419.499.372
Các cá nhân có liên quan	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng nợ phải thu	4.942.539.719	4.919.499.372
Các cá nhân có liên quan	-	-
Cộng nợ phải trả	-	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	
Mua hàng hóa	754.000.000
Mua tài sản	-
Bán hàng hóa	-
Cung cấp dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	314.358.528
Bán tài sản	-
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	10.495.770.980
Cho vay ngắn hạn	-
Lãi cho vay ngắn hạn	1.407.167.320
Công ty cp Vĩnh Hoàn Collagen 5	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.572.727
Doanh thu bán thành phẩm, nguyên vật liệu, phụ phẩm	2.061.520.650

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Cho vay ngắn hạn	50.200.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	4.345.166.667
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ	429.538.480
Bán nguyên vật liệu	958.800
Bán hàng hóa, dịch vụ	-
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	-
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Tiền Giang	
Bán hàng hóa	83.606.994.245
Bán thành phẩm	24.833.395.701
Cung cấp dịch vụ	6.133.493.064
Bán nguyên vật liệu	66.452.778.704
Phải thu lãi ứng tiền hàng	-
Bán phụ phẩm	-
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	24.817.579.901
Nhận ủy thác xuất khẩu	218.312.192.143
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	13.792.298.351

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CÔNG NỢ PHẢI THU	431.903.884.844	434.903.364.925
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải thu tiền cho vay	92.300.000.000	104.259.791.129
Phải thu lãi cho vay	911.888.399	246.245.391
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	192.146.893	3.935.743.333
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	-
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	485.771.094
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5		
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	2.291.856.604	160.220.994
Phải thu tiền cho vay	311.600.000.000	261.400.000.000
Phải thu lãi cho vay	7.068.050.001	6.722.883.334
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng	4.102.722.515	39.591.540.872
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	13.437.220.432	18.101.168.778
CÔNG NỢ PHẢI TRẢ	222.860.001.686	61.747.143.970
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	8.281.685.213	9.603.202.410
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	-
Phải trả tiền hàng	471.714.236	276.588
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng	-	-
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	214.106.602.237	52.143.664.972

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 5 năm 2015



Handwritten signature of Hà T.P.T. Hồng Nhung

Hà T.P.T. Hồng Nhung
Người lập biểu

Handwritten signature of Hà T.P.T. Hồng Nhung

Hà T.P.T. Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Handwritten signature of Trương Thị Lệ Khanh

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc